TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 528/2026/HC-PT Ngày: 11 - 5 - 2026 V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 60/2026/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc *"Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm 631/2025/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 433/2026/QĐPT-HC ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nay là khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1972 (có mặt) và bà Dương Thị V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số A đường số D, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A đường số D, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân huyện C

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số B đường T, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M, Phó trưởng phòng K (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nay là khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông Trương Văn T – người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

1/. Đối với diện tích đất 1.359,3m^2:

- Về nguồn gốc đất: Diện tích đất 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S, huyện C do gia đình bà Ngũ Thị T2 khai phá, sử dụng từ năm 1993. Đến năm 2007, bà T2 chuyển nhượng cho ông Đặng Trung T3 và ông Nguyễn Tiến V1. Ông T3 và ông V1 quản lý, sử dụng đến năm 2016 thì chuyển nhượng lại cho ông Trương Văn T quản lý, sử dụng đến nay, không có tranh chấp. Năm 2016, ông T nộp hồ sơ xin công nhận quyền sử dụng diện tích đất trên nhưng không được chấp nhận với lý do lấn chiếm đất Nhà nước. Năm 2017, ông T tiếp tục nộp đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản số 369/BB-TNMT ngày 03/8/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K đại diện cho cấp xã qua xác minh nguồn gốc đất, các cơ quan đơn vị đã thống nhất nguồn gốc sử dụng đất từ năm 1993. Theo Danh sách công khai số 1242/DSTB-TNMT ngày 07/9/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K xác định diện tích đất 1.039,16m^2 (nay là 1.359,3m^2) hộ ông T sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm từ năm 1993 do nhận chuyển nhượng từ năm 2016, hộ ông T sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi kết thúc niêm yết công khai, ngày 26/10/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K đã đại diện cấp xã xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T với nội dung: Hiện trạng phù hợp một phần, nguồn gốc sử

dụng đất tự khai phá, thời điểm sử dụng năm 1993, không phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

- Về việc xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày 08/02/2023, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC đối với ông T với số tiền 27.500.000 đồng về hành vi lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý diện tích 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S, huyện C và xây dựng công trình trên đất; thời điểm bắt đầu lấn, chiếm đất là sau ngày 29/01/2016.

Ngày 29/5/2023, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 549/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và trả lại phần diện tích đất 1.359,3m^2 cho UBND huyện C quản lý là không đúng về nội dung so với các Biên bản kiểm tra hiện trạng của Hạt Kiểm lâm V2.

Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng số 05/BB-KT ngày 09/8/2019 của Tổ Kiểm lâm cơ động và PCCCR - Hạt Kiểm lâm vườn quốc gia C tiến hành kiểm tra hiện trạng đất rừng phía sau nhà ông T đã kết luận: *"Qua kiểm tra thực tế tại Đất nhà ông Trương Văn T. Đã lấn chiếm Đất rừng phòng hộ khoảng 110m^2 cụ thể như sau: Đất rừng phòng hộ lấn chiếm trong tường rào khoảng 60m^2, Đất rừng phòng hộ lấn chiếm ngoài tường rào khoảng 50m^2. Trên phần đất lấn chiếm đã xây tường rào và trồng cây dừa, chuối. Yêu cầu ông Trương Văn T trả lại hiện trạng Đất rừng phòng hộ như ban đầu".*

Theo Biên bản số 11/BB-LV ngày 25/10/2019 và Báo cáo số 62/BC-TKLCĐ ngày 28/10/2019 của Tổ Kiểm lâm Cơ động và PCCCR - Hạt Kiểm lâm V2 đã xác nhận: *"Ông Trương Văn T đã trả lại hiện trạng ban đầu phần diện tích đã lấn chiếm xây tường rào và trồng cây theo kết luận tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 09/8/2019".*

Ngày 10/02/2023, Hạt Kiểm lâm thuộc Ban Q1 ban hành Văn bản số 13/HKL-VP về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến các khu đất của ông T trả lời Công văn số 57/TNMT ngày 19/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K: *"Qua đối chiếu tọa độ kèm theo 02 Mảnh trích đo địa chính (Mảnh) số 189-2022 và số 190-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 24/11/2022 với bản đồ đã được số hóa kèm theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016 và Kết quả cập nhật theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ- UBND ngày 20/01/2022 của*

UBND tỉnh, kết quả như sau:

- Mảnh số 190-2022 diện tích 1.359,3m^2 tại khu dân cư số 7, trong đó có một phần diện tích 49,25m^2 của lô số 1481 thuộc diện tích rừng do UBND huyện C quản lý. Liên quan đến phần diện tích đất này, ngày 09/8/2019 Tổ Kiểm lâm Cơ động phối hợp Phòng Kinh tế, BCH quân sự huyện và Ban điều hành Khu 7 đã lập biên bản số 05/BB-KT ghi nhận sự việc ông T lấn, chiếm tổng cộng 335m^2 trong đó có 225m^2 đất công và 110m^2 đất thuộc diện tích rừng do UBND huyện C quản lý, trên phần diện tích lấn chiếm ông T đã xây tường rào và trồng một số loài cây như Dừa, C1. Tại buổi làm việc Tổ Kiểm lâm Cơ động đã yêu cầu ông T tháo dỡ tường rào, nhổ bỏ cây trồng trên phần đất đã lấn, chiếm. Đến ngày 25/10/2019 trạm Kiểm lâm Cơ động tái kiểm tra, lập biên bản số 11/BB-LV ghi nhận việc ông T đã chấp hành phá bỏ tường rào, nhổ bỏ cây trồng trên phần diện tích đã lấn, chiếm".

Tổ Kiểm lâm Cơ động và PCCCR là cơ quan trực tiếp quản lý đất rừng tại UBND huyện C, đã thực hiện xác minh hiện trạng thực tế sử dụng đất của hộ ông T, trong đó có lấn, chiếm một phần diện tích 110m^2 đất rừng phòng hộ, đã thực hiện tháo dỡ hàng rào và cây trồng trên đất trả lại hiện trạng đất rừng phòng hộ. Đây là những chứng cứ không cần phải chứng minh quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 về việc xử phạt hành chính, sau đó ban hành Quyết định số 549/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 về việc cưỡng chế buộc ông T khắc phục hậu quả và trả toàn bộ diện tích 1.359,3m^2 đất cho UBND huyện C quản lý là không có căn cứ.

2. Đối với diện tích đất 3.264,2m^2:

- Về hồ sơ địa chính:

Diện tích đất 3.264,2m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40 tại đường H, khu dân cư S, huyện C có nguồn gốc do Đặng Văn Q khai phá, sử dụng đến năm 1997 thì chuyển nhượng lại cho hộ ông T quản lý, sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp với ai.

Năm 2012, ông T nộp hồ sơ xin công nhận quyền sử dụng dụng đất, hồ sơ kéo dài đến đầu năm 2014 mới tiến hành đo đạc và giải quyết. Việc đo đạc có diện tích 2.130,7m^2, thời điểm này chưa lấy ý kiến khu dân cư để xác định thời điểm sử dụng đất. Tuy nhiên, Phòng K đã xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung: Đất mua lại của ông Đặng Văn Q, tự khai phá năm 2010; không phù hợp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Ngày 30/6/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K ban hành

Danh sách công khai số 522/DSTB-TNMT, xác định thời điểm sử dụng đất của hộ ông T là năm 2010.

Do diện tích đất đo đạc chưa chính xác với hiện trạng sử dụng đất nên ngày 28/3/2014 và ngày 09/11/2015, hộ ông T tiếp tục có đơn xin công nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng hơn 3.000m^2 có xác nhận của khu dân cư nhưng vẫn không được đo đạc lại. Ngày 20/01/2016, khu dân cư số 3 tiến hành lấy ý kiến khu dân cư xác định thời điểm hộ ông T quản lý, sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng lại của ông Q, thời điểm sử dụng đất năm 2000, không tranh chấp. Mặc dù đã lấy ý kiến khu dân cư nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường vẫn ban hành Danh sách công khai số 972/DSTB-TNMT ngày 07/9/2016, xác định thời điểm sử dụng đất năm 2010 là không phù hợp với phiếu lấy ý kiến khu dân cư.

Ngày 13/10/2022, ông T tiếp tục nộp đơn xin công nhận quyền sử dụng đất hơn 3.000m^2 tại đường H, khu dân cư S. Đến ngày 22/11/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C tiến hành đo đạc thửa đất theo hiện trạng là 3.264,2m^2.

- Về việc xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày 08/02/2023, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 85/QĐ-XPHC đối với ông T với số tiền 27.500.000 đồng về hành vi lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện quản lý diện tích 3.264,2m^2 thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 40 tại khu dân cư số C, huyện C; thời điểm bắt đầu lấn, chiếm đất: Sau ngày 29/01/2016 đến nay.

Ngày 29/5/2023, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 549/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và trả lại phần diện tích đất 3.264,2m^2 cho UBND huyện C quản lý là không đúng về mặt nội dung so với các Biên bản kiểm tra hiện trạng của Hạt Kiểm lâm V2, cụ thể:

Ngày 30/6/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K có Văn bản số 935/TNMT gửi đến Phòng Kinh tế huyện C với nội dung như sau: *"Để có cơ sở giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của công dân theo đúng quy định, Phòng K đề nghị Phòng Kinh tế phối hợp kiểm tra, xác định ranh giới thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 có nằm trong đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý hay không theo bản đồ hiện trạng kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016".*

Ngày 17/7/2017, Phòng Kinh tế huyện K ban hành Văn bản số 337/KT có nội dung: *"Ngày 30/6/2017, Phòng Kinh tế nhận được văn bản số 935/TNMT của Phòng K về việc đề nghị xác định cụ thể vị trí đất hộ bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Trương Văn T, khu dân cư số 3 đang sử dụng trên bản đồ kiểm kê đất rừng*

phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Sau khi tra cứu, đối chiếu Trích lục bản đồ địa chính số hiệu thửa đất 57, tờ bản đồ địa chính số 11 tại đường H, khu C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của bà Nguyễn Thị Thu T1 do Phòng K cung cấp với Bản đồ kiểm kê rừng năm 2016 Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phòng Kinh tế có ý kiến như sau:

Tổng diện tích thửa đất số 27, tờ bản đồ số 11: 2.145,1m^2. Trong đó:

- *Diện tích đất rừng phòng hộ do UBND huyện quản lý: 37,17m^2*
- *Diện tích đất khác: 2.107,93m^2".*

Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng số 29/BB-KTHT ngày 20/8/2020 của Trạm Kiểm lâm Cơ động tiến hành kiểm tra rừng phía sau đất hộ ông T xác nhận: *"... Phần đất ông T đang sử dụng được xác định theo bản đồ trích lục địa chính tờ bản đồ số 11; số hiệu thửa đất 57, diện tích 2.145,1m^2. Sau khi đối chiếu theo Quyết định 217/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và công bố hiện trạng rừng 2019 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì diện tích 2.145,1m^2 đất trên nằm ngoài đất rừng".*

Ngày 10/02/2023, Hạt Kiểm lâm thuộc Ban Q1 ban hành Văn bản số 13/HKL-VP về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến các khu đất của ông Trương Văn T trả lời Công văn số 57/TNMT ngày 19/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K: *"Qua đối chiếu tọa độ kèm theo 02 Mảnh trích đo địa chính (Mảnh) số 189-2022 và số 190-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 24/11/2022 với bản đồ đã được số hóa kèm theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016 và Kết quả cập nhật theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh, kết quả như sau: Mảnh số 189-2022 diện tích 3.264,2m^2 tại khu dân cư số 3, trong đó có một phần diện tích 1.151,5m^2 thuộc diện tích đất rừng do UBND huyện C quản lý (lô 1490 có 669,2m^2, lô 1498 có 482,3m^2)...."*.

Từ những căn cứ trên, diện tích đất 3.264,2m^2 chỉ có một phần diện tích 1.151,5m^2 thuộc diện tích đất rừng do UBND huyện C quản lý. Đây là những chứng cứ không cần phải chứng minh quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 85/QĐ- XPHC ngày 08/02/2023 xử phạt hành chính, sau đó ban hành Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 cưỡng chế buộc ông T khắc phục hậu quả và trả toàn bộ diện tích 3.364,2m^2 đất cho UBND huyện C quản lý là không có căn cứ, trái với

các nội dung nêu trên.

3. Về yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 25/12/2022, ông T nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 189-2022 và số 190-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 24/11/2022.

Ngày 29/5/2023, UBND huyện C ban hành Văn bản số 2075/UBND-TNMT về việc có ý kiến đối với hồ sơ số 000.00.38.H06-221014- 0003, 0006 ngày 25/11/2022 của ông Trương Văn T. Theo đó, diện tích 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 tại đường H, khu dân cư S và diện tích đất 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 549/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của UBND huyện C về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ số 000.00.38.H06-221014- 0003, 0006 ngày 25/11/2022 của ông Trương Văn T - Địa chỉ tại khu dân cư S, huyện C.

- Buộc UBND huyện C thực hiện giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T phần đất có diện tích 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S, huyện C và phần đất diện tích 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 tại đường H, khu dân cư S, huyện C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc:

- Hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của UBND huyện

C về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ số 000.00.38.H06-221014- 0003,0006 ngày 25/11/2022 của ông Trương Văn T.

- Buộc UBND huyện C thực hiện giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T phần đất có diện tích 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S, huyện C và phần đất diện tích 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tò' bản đồ số 11 tại đường H, khu dân cư S, huyện C.

Những yêu cầu khởi kiện còn lại của ông T được giữ nguyên.

Ý kiến người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND đặc khu C):

1. Yêu cầu hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC và Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 549/QĐ-CCXP và Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 cua Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

1.1. Thông tin về thửa đất:

- Một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại địa chỉ: khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 189-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 24/11/2022.

- Một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.359,3m^2 đất tại địa chỉ: khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 190-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 24/11/2022.

1.2. Hồ sơ địa chính, nguồn gốc, quá trình sử dụng:

- Theo hồ sơ địa chính năm 1995: Căn cứ Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C - bản đồ giấy lưu trữ được thành lập năm 1995 (được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/5/1995) thì diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3 và diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số 7 ông Trương Văn T đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Ông T không có tên kê khai, đăng ký quản lý sử dụng đất tại Sổ mục kê đất đai năm 1995.

Theo hồ sơ địa chính năm 1998: Căn cứ Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C được thành lập năm 1998 (được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/01/1999) thì diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3 và diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số G, ông Trương Văn T đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Ông T không có tên

kê khai, đăng ký quản lý sử dụng đất tại Sổ mục kê đất đai năm 1998.

- Theo hồ sơ địa chính năm 2015: Căn cứ Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C năm 2015 (được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 30/12/2015) thì diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3 và diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số 7 ông Trương Văn T đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Ông T không có tên kê khai, đăng ký quản lý sử dụng đất tại sổ mục kê đất đai năm 2015.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Ông Trương Văn T lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3; một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời điểm bắt đầu lấn, chiếm đất là sau ngày 29/01/2016.

1.3. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và khắc phục hậu quả

Hành vi của ông Trương Văn T đã vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Trên cơ sở đó, ngày 02/02/2023, Phòng K huyện tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC và 05/BB-VPHC đối với ông T với hành vi lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3; một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời điểm bắt đầu lấn, chiếm đất là sau ngày 29/01/2016.

Ngày 08/02/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành các Quyết định số 84/QĐ-XPHC và Quyết định số 85/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T. Do ông T không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành các Quyết định số 549/QĐ-CCXP và Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T.

Từ những phân tích ở trên, việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 84/QĐ-XPHC và Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 549/QĐ-CCXP và Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của UBND huyện C về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ so 000.00.3 8.H06- 221014-0003, 0006 ngày 25/11/2022.

Ngày 25/12/2022, ông T nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 diện tích đất:

- Một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 189-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 24/11/2022.

- Một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.3 59,3m^2 đất tại khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 190-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 24/11/2022.

Sau khi rà soát lại hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu của ông T; UBND huyện xác định diện tích 3.264,2m^2 đất và diện tích 1.359,3m^2 đất là đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai ngày 29/11/2013, khoản 5 Điều 19, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc lấn, chiếm sử dụng đất rừng phòng hộ của ông T không thuộc trường hợp được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do: Lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý, có vi phạm pháp luật về đất đai đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh B, UBND huyện C ban hành Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ của ông T, đồng thời chuyển trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mã hồ sơ số 000.00.3 8.H06-221014- 0003 và 000.00.38.H06-221014-0006 ngày 25/11/2022 của ông T là đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông T đề nghị hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của UBND huyện C, buộc UBND huyện C thực hiện giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T diện tích đất 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 và diện tích đất 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu T1 là vợ của ông T, bà T1 thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông T, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 631/2025/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành

chính; điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T về việc:

- Hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ số 000.00.38.H06-221014-0003, 0006 ngày 25/11/2022 của ông Trương Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T phần đất diện tích 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S và phần đất diện tích 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 tại đường H, khu dân cư S của huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/. Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Trương Văn T về việc:

- Hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 549/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2025, ông Trương Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Đăng C vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các quyết định bị kiện vì theo danh danh công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 và 2016 đều xác định thời điểm sử dụng đất của ông T là năm 2010 nhưng khi đó Ủy ban không có biện pháp xử phạt hay ngăn cản việc sử dụng đất của ông T. Hạt kiểm lâm xác định việc chồng lấn đất rừng chỉ có hơn 1000m^2 nhưng ủy ban xử phạt đối với diện tích 3200m^2 là không đúng. Hạt kiểm lâm cũng xác định diện tích 1329,6m^2 chỉ chồng lấn đất rừng phòng hộ 110,6m^2; bản vẽ hiện trạng của Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích chồng lấn là 40,6m^2 nên việc xử phạt của Ủy ban là không phù hợp quy định pháp luật. Hơn nữa, tại thời điểm xử phạt thì thời hiệu xử phạt cũng đã hết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện ông Nguyễn Văn M trình bày: Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đều xác định diện tích đất ông T bị xử phạt là đất rừng phòng hộ do Ủy ban quản lý; ông T lấn chiếm đất này sau năm 2016, nên ủy ban ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. Kết quả kiểm kê rừng chỉ kiểm kê trên đất còn rừng hay không nhưng bản chất đất vẫn là đất rừng phòng hộ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc

thẩm.

Tòa án triệu tập hợp lệ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với phần diện tích đất 1.359,3m^2:

Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C - bản đồ giấy lưu trữ được thành lập năm 1995 thì diện tích 1.359,3m^2 đất thuộc thửa đất số 524, tờ bản đồ số 01, diện tích 237.050m^2; loại đất lâm nghiệp, chủ sử dụng đất: "Rừng trồng". Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C được thành lập năm 1998 thì diện tích 1.359,3m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 244.346m^2; loại đất "LN" (đất lâm nghiệp), chủ sử dụng đất: "UBND huyện"; ghi chú: "RTnP". Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C năm 2015 thì diện tích 1.359,3m^2 đất thuộc một phần của thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 204.431,9m^2, loại đất "RPH" (rừng phòng hộ). Như vậy, phần đất trên được xác định thuộc đất "Rừng phòng hộ" do Nhà nước quản lý; ông T không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, đồng thời, ông T cũng như những người ông T cho rằng khai phá, sử dụng sau đó chuyển nhượng cho ông T trước đó cũng không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ.

[2.2] Đối với diện tích đất 3.264,2m^2 đất

Theo Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C - bản đồ giấy lưu trữ được thành lập năm năm 1995 thì diện tích 3.264,2m^2 đất thuộc "Rừng cấm quốc gia", tờ bản đồ địa chính số 02. Theo Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C được thành lập năm 1998 thì diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số C, huyện C thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ địa chính số 13, diện tích ghi 62.840m^2; loại đất "LN" (đất lâm nghiệp), chủ sử dụng đất: để trống, ghi chú: Rừng phòng hộ. Theo Bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C năm 2015 thì diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số C, huyện C thuộc một phần của thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 231.455,8m^2, loại đất "RPH" (rừng phòng hộ). Tương tự, diện tích đất 3.264,2m^2 được xác định thuộc đất "Rừng phòng hộ" do Nhà nước quản lý; ông T không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2.3] Việc ông T sử dụng một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.264,2m^2 đất tại khu dân cư số 3 và một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.359,3m^2 đất tại khu dân cư số G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là hành vi lấn, chiếm đất rừng phòng hộ do UBND huyện C quản lý. Thời điểm

bắt đầu lấn, chiếm đất là sau ngày 29/01/2016. Hành vi của ông T đã vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC và 05/BB-VPHC ngày 02/02/2023 của Phòng K, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 84/QĐ-XPHC và Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T là đúng quy định.

Do ông T không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 549/QĐ-CCXP và Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Trương Văn T không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 631/2025/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T về việc:

- Hủy Văn bản số 2075/UBND-TNMT ngày 09/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc có ý kiến đối với 02 hồ sơ số 000.00.38.H06-221014-0003, 0006 ngày 25/11/2022 của ông Trương Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T phần

đất diện tích 1.359,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 42 tại đường V, khu dân cư S và phần đất diện tích 3.264,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 11 tại đường H, khu dân cư S của huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/. Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Trương Văn T về việc:

- Hủy Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 85/QĐ-XPHC ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 549/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

- Hủy Quyết định số 557/QĐ-CCXP ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trương Văn T.

3/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương Văn T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006081 ngày 19/6/2026 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H); đương sự đã thực hiện xong.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Văn T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026341 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự (3);
- Lưu VP (5), HS (2).17b.PPC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng